

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2021/HNGĐ- ST**

Ngày : 22-02-2021

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hà Vi**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Phan Thị Hà**

2. Ông **Đỗ Đức Lâm**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 175/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **K U**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 4, xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

**- Bị đơn:** Anh **K' Đ**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 4, xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị K U có mặt, anh K' Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị K U trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị K U và anh K' Đ chung sống với nhau từ năm 2006, đến ngày 18/4/2009 thì hai người mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh K' Đ không lo làm ăn, suốt ngày nhậu nhẹt, say sấn rồi về chửi bới vợ con, đôi khi còn đánh đập chị K U. Anh K' Đ còn lấy đồ trong nhà như máy phát cỏ, xe máy đem đi bán để uống rượu với bạn bè. Do chị K U đi làm công ty nên anh K' Đ thường xuyên ghen tuông nghi ngờ chị K U có người đàn ông khác rồi chửi bới. Mặc dù chị K U đã nhiều lần tha thứ nhưng anh K'

Đ vẫn không thay đổi. Chị K U và anh K' Đ đã sống ly thân từ tháng 4/ 2019 cho đến nay. Quá trình sống ly thân thì không quan tâm chăm sóc gì đến nhau, phần ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị K U yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh K' Đ.

Về con chung: Chị K U trình bày quá trình chung sống chị và anh K' Đ có 01 con chung tên là Ka Th, sinh ngày 26/4/2008. Ly hôn chị K U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị K U không yêu cầu anh K' Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K U trình bày chị và anh K' Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị K U trình bày chị và anh K' Đ không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh K' Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị K U chung sống với nhau từ năm 2006, đến ngày 18/4/2009 thì hai vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng mấy năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh K' Đ có hay uống rượu, chị K U có nhắc nhở nên vợ chồng xảy ra to tiếng, cãi vã nhau. Ngoài nguyên nhân trên vợ chồng còn mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế. Từ tháng 4/2019 chị K U về nhà mẹ đẻ sinh sống nên hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình sống ly thân thì không quan tâm chăm sóc gì đến nhau, phần ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị K U yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh K' Đ, anh K' Đ đồng ý được ly hôn với chị K U.

Về con chung: quá trình chung sống anh và chị K U có 01 con chung tên là Ka Th, sinh ngày 26/4/2008. Ly hôn anh K' Đ đồng ý giao con chung cho chị K U nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh K' Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh K' Đ và chị K U không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống anh K' Đ và chị K U không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/12/2020 nhưng không được do anh K' Đ có đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ- phiên hòa giải của Tòa án, đồng thời chị K U có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa mà giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn có đơn đề nghị được vắng mặt trong các phiên xét xử của Tòa án.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị K U và anh K' Đ được ly hôn. Về con chung cần giao con chung là Ka Th, sinh ngày 26/4/2008 cho chị K U tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ

18 tuổi, anh K' Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **I. Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn anh K' Đ có đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

#### **II. Về nội dung vụ án:**

{1} *Về quan hệ hôn nhân:* Chị K U và anh K' Đ chung sống với nhau từ năm 2006, đến ngày 18/4/2009 thì hai vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Chị K U trình bày nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh K' Đ không lo làm ăn, suốt ngày nhậu nhẹt, say sưa rồi về chửi bới vợ con, đôi khi còn đánh đập chị K U. Anh K' Đ còn lấy đồ trong nhà như máy phát cỏ, xe máy đem đi bán để uống rượu với bạn bè. Do chị K U đi làm công ty nên anh K' Đ thường xuyên ghen tuông nghi ngờ chị K U có người đàn ông khác rồi chửi bới. Mặc dù chị K U đã nhiều lần tha thứ nhưng anh K' Đ vẫn không thay đổi. Còn anh K' Đ trình bày mâu thuẫn là do anh K' Đ có hay uống rượu, chị K U có nhắc nhở nên vợ chồng xảy ra to tiếng, cãi vã nhau. Ngoài nguyên nhân trên vợ chồng còn mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế. Từ tháng 4/2019 chị K U về nhà mẹ đẻ sinh sống nên hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình sống ly thân thì không quan tâm chăm sóc gì đến nhau, phần ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị K U và anh K' Đ yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh K' Đ có đơn đề nghị vắng mặt nên hòa giải không thành. Tại phiên tòa chị K U kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh K' Đ, còn anh K' Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã ly thân, không hàn gắn tình cảm được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị K U và anh K' Đ được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} *Về con chung:* Xét lời khai của chị K U và anh K' Đ, căn cứ vào giấy khai sinh chị K U nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống chị K U và anh K' Đ có 01 con chung tên là Ka Th, sinh ngày 26/4/2008. Chị K U trình bày từ khi ly thân đến nay chị K U nuôi con chung. Quá trình chị K U chăm sóc con thì cháu Ka Th phát triển bình thường, chị K U có việc làm, có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của chị K U là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tiếp tục giao con chung là Ka Th, sinh ngày 26/4/2008 cho chị K U tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị K U không yêu cầu anh K' Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

*{3} Về tài sản chung:* Chị K U và anh K' Đ trình bày quá trình chung sống hai người không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

*{4} Về nợ chung:* Chị K U và anh K' Đ trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

*{5} Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị K U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K U đối với anh K' Đ về việc “*Xin ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị K U và anh K' Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc anh K' Đ phải giao con chung là Ka Th, sinh ngày 26/4/2008 cho chị K U trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi (đã giao con). Anh K' Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.*

3. Về án phí: Buộc chị K U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị K U đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2016/0019875 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Thị Hà Vi**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**  
*- TAND tỉnh Lâm Đồng;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Thị Hà Vi**









